

NGHIÊN CỨU HOẠT ĐỘNG KHUYẾN HỌC CỦA CÁC DÒNG HỌ NƯỚC TA TRONG NỀN GIÁO DỤC VÀ KHOA CỬ NHO HỌC¹

NGUYỄN HỮU MÙI

1. Đặt vấn đề

Nền giáo dục và khoa cử Nho học Việt Nam kéo dài 844 năm, từ năm 1075 đến năm 1919, đã tạo ra 2.894 lượt người đỗ tiến sĩ ngạch văn [Ngô Đức Thọ (Chủ biên), 2006]² và 314 tiến sĩ ngạch võ (Nguyễn Thúy Nga, 2003, tr. 55). Ngoài ra, còn có vài vạn người đỗ hương cống thời Lê và cử nhân thời Nguyễn. Họ là đội ngũ trí thức Hán học đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và bảo vệ đất nước, góp phần tạo lập nền văn hóa mang đậm bản sắc Việt Nam.

Để có thành công như vậy, Nhà nước, nhân dân và các dòng họ đã tạo ra nhiều hoạt động về khuyến học nhằm động viên, khuyến khích người đi học vươn lên trong học tập.

Từ trước đến nay, khi đề cập đến hoạt động khuyến học tại Việt Nam, giới học thuật nước ta mới chỉ dành sự quan tâm nghiên cứu vào phần chính sách của Nhà

nước quân chủ Việt Nam cũng như sự ưu tiên của làng xã, còn với hoạt động khuyến học tại các dòng họ, mới chỉ được đề cập trong một số bài viết hay cuốn sách của Trương Đức Quả (1998), Phạm Côn Sơn (1998), Nguyễn Thế Long (1999), Mai Văn Hai và Phan Đại Doãn (2000), Bùi Xuân Đính, Nguyễn Viết Chức (2010).

Bài viết này góp phần tìm hiểu những hoạt động khuyến học của các dòng họ trong nền giáo dục và khoa cử Nho học, vốn chưa được quan tâm nhiều trong những nghiên cứu trước đây.

2. Nguồn tài liệu

Nguồn tài liệu đề cập đến hoạt động khuyến học của các dòng họ người Việt tập trung vào ba mảng chính:

- *Gia phả* là nguồn tài liệu ghi về thế thứ, tên húy, tên hiệu, ngày giỗ, phần mộ của các đời trong một dòng họ. Trước đây, hầu như mỗi dòng họ, nhất là các dòng họ khoa bảng ở nước ta đều biên soạn gia phả. Vào đầu thế kỷ XX, Viện Viễn Đông Bác Cổ của Pháp (EFEO) tiến hành sưu tầm thư tịch, trong đó có các gia phả đưa về lưu trữ tại Hà Nội, hiện được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (VNCHN). Hiện tại chúng tôi thu thập được 20 bản gia phả có phần “Điều

¹ Bài viết được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED), trong đề tài mã số IV.3 - 2012. Tác giả bài viết xin chân thành cảm ơn.

² Con số 2.894 lượt người này căn cứ vào cuốn *Các nhà khoa bảng Việt Nam* do tác giả bài viết tham gia biên soạn (Nxb Văn học ấn hành năm 1993, tái bản năm 2006), đã loại trừ hơn chục người được ghi tên hai lần. Con số chính xác về tiến sĩ Nho học Việt Nam xin được đề cập trong dịp khác.

ước”, hay “Quy ước” của các dòng họ chứa đựng thông tin về hoạt động khuyến học.

- *Văn bia* các dòng họ đặt tại từ đường ghi về các vấn đề như gia phả, thờ cúng tổ tiên, đặt ruộng thờ, tu bổ từ đường, khuyến khích học tập... Hiện chúng tôi thu được 13 văn bia lưu trữ thông tin về hoạt động khuyến học, trong đó có 4 văn bia do EFEO sưu tầm, 9 văn bia do VNCHN bổ sung từ năm 1992 đến nay.

- *Tục lệ* là văn bản ghi lại những quy định về nhiều mặt của đời sống xã hội làng xã, do EFEO sưu tầm, trong đó có cả “tục lệ” của một số dòng họ. Hiện tại chúng tôi mới thu nhận được 2 nguồn thông tin liên quan đến hoạt động khuyến học: một của họ Đàm ở tỉnh Hưng Yên, một của họ Nghĩa ở tỉnh Phúc Yên.

Tổng cộng ba mảng tài liệu vừa nêu trên có 35 đơn vị đầu mục chứa đựng thông tin về hoạt động khuyến học của các dòng họ. Tất cả đều là tư liệu chép tay hoặc khắc trên bia, chữ còn đọc rõ, với niên đại rõ ràng, làm cơ sở cho việc nghiên cứu của đề tài.

3. Nội dung của hoạt động khuyến học

Nguồn tài liệu hiện có cho thấy, các dòng họ người Việt rất quan tâm đến khuyến học, coi khuyến học như một hoạt động cần thiết nhằm thúc đẩy con cháu đi vào con đường học tập và thi cử, đem lại vinh quang cho bản thân cũng như cho dòng họ.

Để khuyến học đạt hiệu quả, khâu đầu tiên là phải tạo điều kiện về vật chất bằng việc dựng lớp học làm nơi học tập cho con cháu. Điều này ghi nhận trong gia phả họ Trịnh ở thôn Thái Đường xã Hoa Lâm huyện Đông Ngàn (nay là thôn Thái Bình, xã Mai

Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội). Theo đó, vào năm Quý Tỵ (1773), họ Trịnh “đặt một thửa thổ trạch 12 thước để xây dựng học đường cho dòng họ tại xứ Ngõ Cả thuộc địa phận thôn Cự Trinh của xã Hội Phụ làm chỗ cho người trong họ chuyên cần học tập, lại làm nhà ở đó, ngày đêm đọc sách cho đến khi thành sự nghiệp” (*Trịnh gia thế phả*, 1773, tờ 23a).

Gia phả không ghi chi tiết quy mô, kiến trúc của ngôi học đường, nhưng điều ghi nhận ở đây là một trường tư thực của một dòng họ được xây dựng vào cuối thế kỷ XVIII, mời thầy về dạy cho con em trong họ, trong điều kiện trường hương học của xã Hoa Lâm thời đó có thể chưa được xác lập.

Tiếp đến là đặt ruộng học, còn gọi là *học điền*. Loại ruộng này với nhiều tên gọi khác nhau: có họ gọi là “ruộng bút chỉ”, như của họ Vũ ở thôn Bách Cốc (xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định), ghi trên bia *Vũ tộc từ đường bi ký*, lập năm Duy Tân thứ tư (1910). Có họ đặt tên là “Học hý”, như họ Trần ở làng Vũ Thắng (xã Nam Hoa, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình), ghi trên bia *Trần thị từ đường ký*, tạo năm Tự Đức thứ 10 (1857). Có dòng họ đặt tên là “ruộng khoa danh”, là loại ruộng thu thóc làm lương thực cho con em trong họ sử dụng trong quá trình học tập, cũng như làm lương nuôi thầy khi mời thầy về dạy học như họ Nguyễn ở làng Trường Lưu (xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh), ghi trên bia *Nguyễn Gia Trang khoa danh điền bi ký*, tạo năm Canh Thìn, niên hiệu Cảnh Hưng - 1760 (Nguyễn Thanh Tùng dịch, 2012, tr. 189-190).

Kết quả thống kê cho thấy, có 14/35 dòng họ đặt ruộng học. Tùy khả năng và

điều kiện của mỗi dòng họ mà việc đặt ruộng học có khác nhau. Đối với dòng họ nhỏ, việc đặt ruộng đều do toàn họ đóng góp, như họ Lê ở làng Quảng Phúc (xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình) đặt 2 sào 13 thước làm ruộng học (*Lê tộc bi ký*, 1865); họ Vũ ở thôn Thượng (xã Đường Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội), vào năm 1855, đặt một mẫu (Nguyễn Ngọc Nhuận, 2004, tr. 425); họ Trần ở xã Phù Cốc, huyện Bạch Hạc (nay thuộc xã Tam Phúc, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc), đặt 1 mẫu 0 sào 5 thước (*Trần tộc chi bi*, 1882); họ Lê ở làng Đại Định, huyện Bạch Hạc (nay thuộc xã Cao Đại, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc) vào năm Cảnh Hưng thứ 17 (1756) đặt ruộng học tới 3 mẫu 5 sào, do vợ chồng Quan viên tử Lê Thúc Khải hiến (*Từ đường học điền bi*, 1756).

Đối với các dòng họ lớn, có người đỗ đại khoa (đỗ tiến sĩ, thời Nguyễn tính cả học vị phó bảng), việc đặt ruộng học thường do cá nhân đảm nhận, như họ Nghiêm ở làng Quan Độ (nay thuộc xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh), được ông Độ Thái Công ở đời thứ 17 của họ này hiến 1 mẫu “làm nghiệp học dài lâu cho con cháu” (*Nghiêm tính gia kê*, 1498, tờ 12b).

Họ Nguyễn ở xã Lai Thạch, huyện La Sơn (nay là thôn Trường Lưu, xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh), do Nguyễn Huy Tựu dành dụm trong quá trình dạy học, mua được hơn 1 mẫu, đặt làm ruộng “Khoa danh” (Nguyễn Huy Mỹ, 2012, tr. 35).

Các dòng họ có người làm quan to, có điều kiện về tiền của nên việc đặt ruộng học cũng khá hơn. Chẳng hạn, họ Nguyễn ở xã Nỗ Bạ, huyện Thanh Trì (nay thuộc xã

Liên Phương, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội), có ông Nguyễn Khuê, giữ chức Tổng Thái giám, tước Khuê Quận công, vào năm Bảo Thái thứ bảy (1726), đặt 2 mẫu 1 sào cho dòng họ (*Nguyễn thị gia phá thực lục*, sao lại năm 1823, tờ 11b). Hoặc như họ Hồ ở xã Hoàn Hậu (nay thuộc xã Quỳnh Hậu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An), có Hồ Sĩ Dương đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức Tham tụng (Tể tướng) kiêm Thượng thư bộ Hình, Đông các đại học sĩ, đã đặt 10 mẫu cho dòng họ (*Thượng thư Thiếu bảo Duệ Quận công Hồ Trướng công từ đường bi ký*, 1854).

Không chỉ đặt ruộng, một số dòng họ còn đặt ao và vườn để khuyến học. Đó là dòng họ Lê ở làng Đại Định nêu trên, ngoài số ruộng 3 mẫu 5 sào đã nêu ở trên, còn dành ra 4 thửa ao với tổng diện tích 2 mẫu để tạo nguồn lợi giúp con cháu yên tâm học tập. Họ này còn đặt đất vườn, gồm 13 thước cùng cây cối hoa trái trên mảnh vườn (vợ chồng quan viên tử Lê Thúc Khải hiến) giao cho con cháu trông nom dùng trong học tập. Đây là trường hợp duy nhất một cặp vợ chồng của một dòng họ xuất gia tài với giá trị lớn dùng trong khuyến học mà chúng tôi ghi nhận trong quá trình nghiên cứu (*Từ đường học điền bi*, 1756).

Tương tự, họ Nguyễn ở thôn Kim Đồi (xã Kim Chân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh) - một dòng họ phát về khoa bảng ở đất Kinh Bắc thời Lê, vào năm 1866, đặt một thửa ao tại xứ Trú Đột, do ông Khánh Trung bá cung tiến, dùng để “kế nghiệp tiến sĩ” cho dòng họ (bia *Vô đề*, 1866).

Để phân ruộng, ao và vườn dùng đúng mục đích khuyến học, các dòng họ đưa ra

quy ước quản lý. Quy ước phổ biến nhất là giao ngay cho người đi học đảm nhận ruộng học, tự cày cấy để thu hoạch, chỉ cần quy định về độ tuổi như họ Trần ở thôn Pha Vệ, xã Đông Hồ, huyện Kim Hoa (nay là thôn Địa, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội), “Hễ người nào trong họ tuổi từ 12 đến 25, có theo đuổi việc học mới được canh tác ruộng học” - tức 2 thửa ruộng của họ: một thửa trị giá 8 gánh lúa, một thửa trị giá 22 gánh lúa (*Tạo lập thạch bi tổ tông từ đường*, 1709).

Cũng có họ giao thặng ruộng, ao, vườn cho con cháu trong họ trông nom quản lý, như họ Lê ở xã Đại Định, huyện Bạch Hạc “Hễ là con cháu tông phái trong dòng tộc có theo việc học, đồng ý cho canh tác ruộng vườn, cho thả cá ở ao, lấy làm lương cho việc học, đời đời lưu truyền, không được đem bán. Người nào không theo việc học, không được tranh chấp. Nếu ai vi phạm sẽ mắc tội, cho dòng họ thu hồi phần đã bán” (*Từ đường học điền bi*, 1756).

Cũng có họ giao cho một người trong họ “đăng cai”, bằng cách phải bỏ tiền mới được nhận ruộng để cày cấy, nộp thóc theo quy định, số dư mình sẽ hưởng, như quy định của họ Phùng ở xã Ốc Trù, huyện Yên Lạc (nay là thôn Hội Thịnh, xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc), khi quy ước của họ này ghi rõ “giao ruộng học trị giá 14 gánh lúa trong 14 năm cho người trong họ canh tác (*Phùng tộc gia phả*, soạn vào cuối thế kỷ XVIII, tờ 36a).

Kể đến là giúp đỡ con cháu trong các gia đình nghèo trong việc học tập. Cách này thấy ở các dòng họ chưa có điều kiện đặt ruộng học. Điều 38 của họ Bùi ở thôn Đông

Áp, xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì (nay là phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội) khẳng định: “Lệ trong họ người nào hoặc do mồ côi cha mẹ hoặc do nhà nghèo nhưng nguyện theo việc học, bản tộc trợ giúp mỗi năm 12 quan tiền để mua giấy bút” (*Thịnh Liệt Đông áp Bùi thị Giáp chi liệt tổ hành trạng*, soạn vào khoảng cuối thế kỷ XVIII, tờ 34a).

Theo cách đó, còn có họ Nguyễn ở xã Tương Mai, huyện Thanh Trì (nay là phường Tương Mai, quận Hai Bà Trưng), ghi tại Điều 37: “Lệ người nào trong họ nếu sớm mồ côi cha mẹ, gia cảnh nghèo khó, nhưng theo đuổi việc học, bản tộc trợ cấp mỗi năm 20 quan tiền để cung ứng giấy bút” (*Tương Mai Nguyễn thị gia phả*, 1824, tờ 33a).

Họ Nghĩa - một dòng họ Công giáo ở xã Hạ Lô, huyện Yên Lãng, phủ Vĩnh Tường (nay thuộc xã Mê Linh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội), không bắt con cháu trong dòng họ phải làm việc nặng nhọc, nếu người đó theo đuổi việc học, ghi tại Điều 5: “Người nào trong họ theo học được miễn sai dịch” (*Nghĩa tộc cải tu đoan sự*, 1851, tờ 3b). Điều ước này cũng giống như quy định của làng xã khi miễn sưu sai tạp dịch cho học sinh trong làng, nếu người đó thực sự theo đuổi việc học.

Thưởng cho học sinh trong dòng họ là hoạt động tiếp theo nhằm khích lệ tinh thần học tập trong các dòng họ. Thưởng ở đây là bằng vật chất, bao gồm:

- Thưởng bằng ruộng: như họ Trần ở thôn Thượng, xã Trung Thụy (nay là xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội), ghi tại Điều 17 của gia phả dòng họ: “Hễ người nào có khả năng cần cù đi học,

thi đỗ giám sinh trở lên, võ đỗ từ biên sinh trở lên, bản tộc thường ruộng 5 sào để chân tác văn phong, làm vẻ vang võ cử. Nếu ai đỗ tiến sĩ ngạch văn hoặc dự trúng cai cơ ở ngạch võ, bản tộc thường ruộng 1 mẫu” (*Từ đường bi ký*, 1777).

- Thường bằng đất thổ cư: như họ Phùng ở xã Ốc Trù huyện Yên Lạc, “dành sẵn 2 thửa đất cho người trong họ, nếu như đỗ đại khoa thì được nhận” (*Phùng tộc gia phả*, tldd, tờ 32b).

- Thường bằng tiền, được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau: thường ngay sau khi biết tin đỗ, như họ Vũ ở thôn Hải Bối, huyện Yên Lãng (nay thuộc xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội), ghi tại Điều 14 (*Hải Bối Vũ công tộc phả*, 1720) và Điều 12 của họ Đỗ ở phường Thịnh Quang, huyện Vĩnh Thuận (nay thuộc phường Thịnh Quang, quận Đống Đa), đều quy định, hễ biết tin người trong dòng họ đỗ đạt, bất luận cao hay thấp, trưởng tộc trích luôn một quan tiền từ quỹ dòng họ mang đến giao ngay cho người đỗ. Còn việc thưởng tiếp theo sẽ do toàn họ quyết định (*Thịnh Quang Đỗ tộc thế thứ phả ký*, 1742).

Có khi phải chờ kết quả thi cử chính thức mới thưởng cho người thi đỗ, như họ Bùi ở thôn Bách Cốc, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, ghi tại Điều 2 “Người nào ứng thí trúng tú tài, bản tộc thường tiền 5 quan. Ai trúng cử nhân, bản tộc thường 10 quan” (*Bùi tộc bi ký*, 1839).

Hoặc họ Nguyễn ở xã Tây Đằng, huyện Tiên Phong (nay thuộc thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì): “Lệ người trong họ khi thi đỗ đại khoa thường tiền 60 quan, cùng một đôi câu đối; Ai đỗ trung khoa (học vị

hương công, cử nhân), thường tiền 30 quan; ai đỗ tiểu khoa (học vị sinh đồ, tú tài) thường tiền 20 quan” (Trương Đức Quả, 1998, tr. 482).

Thường tiền còn được duy trì cho người đỗ khoa trường khi người đó về già. Chẳng hạn, họ Nguyễn ở xã Tương Mai (đã nêu ở trên) quy định, người nào đăng thọ ở tuổi 50, ngoài việc được mừng 1 đôi câu đối, 1 lạng chè áp dụng chung cho những người đăng thọ ở độ tuổi đó, nhưng nếu người đó ở hạng đỗ đạt khoa trường thì được cấp thêm 7 quan (Điều 35); người nào đăng thọ ở tuổi 60, được cấp 10 quan (Điều 34); đăng thọ ở tuổi 70 được cấp 12 quan (Điều 33); đăng thọ ở tuổi 80 trở lên, được cấp 15 quan (Điều 32) (*Tương Mai Nguyễn thị gia phả*, 1824, tờ 33a- 34b).

Ngoài thưởng bằng tiền, một số dòng họ còn định lệ biếu phần cho người đỗ khoa trường của bản tộc, như biếu thủ lợn, ghi tại Điều 9 của họ Đỗ ở xã Bình Vọng, huyện Thượng Phúc (nay là thôn Bình Vọng, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Hà Nội) (*Đỗ thị thế phả*, 1830), cũng như Điều 19 của họ Trần ở xã Bình Lãng, huyện Thượng Phúc (nay là thôn Bình Lãng, xã Thăng Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội), cùng có quy định: hễ trong họ có giỗ chạp hoặc tổ chức ăn uống thì biếu phần thủ lợn cho tộc trưởng nửa chiếc, nửa còn lại biếu viên đỗ khoa mục trong họ (*Phúc Lãng Trần Tường công thế phả*, 1892). Họ Nguyễn ở thôn Thống Nhất (xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội) lại có quy định: “Vào ngày dịp tế xuân thu hàng năm, biếu một miếng nậm (cỏ) lợn hoặc bò cho người đỗ khoa trường” (*Nguyễn tộc bi ký*, 1881).

Có dòng họ thì biểu chân giò, như chi họ Nguyễn ở xã Tương Mai, huyện Thanh Trì, khi chi họ này quy định tại Điều 17: “Hễ người nào là chức sắc khoa trường, sau khi tế xong được biểu 1 chiếc chân giò cùng 3 miếng trâu cau” (*Tương Mai Nguyễn thị gia phả*, 1824, tờ 73a).

Ngoài khuyến khích bằng vật chất, nhiều dòng họ còn khuyến khích bằng tinh thần nhằm tạo ra tâm lý tự tin cho con cháu yên tâm học tập và đi thi.

Theo phong tục của người Việt, trước khi đi thi, thường có lễ cầu đăng khoa. Họ Phạm ở xã Lương Ngọc (nay là thuộc Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương) quy định: “Đến kỳ thi, người nào trong họ ứng cử, chọn lấy ngày tốt thì viên Đương cai mời mọi người trong toàn họ tề tựu đầy đủ để làm lễ cầu đăng khoa. Lễ vật dùng thủ lợn hoặc gà cũng được” (*Lương Ngọc Phạm tộc phả ước*, 1892, tờ 23b).

Với họ Nghĩa nêu trên, không chỉ không bắt con cháu phải lao động nặng nhọc mà còn tạo ra tiền lệ bằng cách hễ người nào trong họ chỉ cần: “Thi trúng trường nhất [của thi Hương], thì ngôi thứ được ngồi cùng với các vị thứ mục trong họ” (*Nghĩa tộc cải tu đoan sự*, 1851, Điều 5).

Hoặc như họ Nguyễn ở xã Tương Mai có lệ: “Trong họ có người nào là chức sắc đỗ khoa trường thì được ngồi riêng một chiếu, không câu nệ tuổi tác” (*Tương Mai Nguyễn thị gia phả*, 1824, Điều 26). Cách khuyến khích này giống như ban ngôi thứ trong đình của làng cho người đỗ khoa trường.

Riêng họ Lê ở thôn Phù Xá Đoài (xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội),

có lệ: “Người nào trong họ nỗ lực bản thân bằng con đường khoa hoạn làm về vang hiển hách đức tổ tiên, hễ khi tế tổ được biểu phần; khi người đó qua đời được khắc vào bia đá để tỏ rõ sự tôn quý” (*Lê tộc điều lệ*, 1907, Điều 4). Cách khuyến khích này đã khích lệ con cháu dòng họ học tập thi đỗ để được “lưu danh muôn thuở”.

Sau cùng là mừng bằng trưởng, thơ và câu đối, vốn là hình thức phổ biến trong hoạt động khuyến học bằng tinh thần của các dòng họ, như quy định của họ Đỗ ở xã Bình Vọng, huyện Thượng Phúc (đã nêu ở trên): “Người nào trong họ thi đỗ tiến sĩ, bản tộc mừng một bức trưởng cùng trâu cau, trà, tùy thời mà sử dụng; Ai đỗ phó bảng hoặc cử nhân mừng một bài thơ; ai đỗ tú tài cùng người làm quan có phẩm hàm thấp (tạp phẩm) thì mừng một đôi câu đối” (*Đỗ thị thế phả*, 1830, Điều 5).

4. Nhận xét

Những tư liệu trên đây cho thấy, hoạt động khuyến học của các dòng họ ở người Việt (chủ yếu tại vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, vốn là địa bàn có truyền thống hiếu học lâu đời nhất ở nước ta) diễn ra trong khoảng thời gian xấp xỉ 3 thế kỷ, bắt đầu vào giữa thế kỷ XVII, kết thúc vào năm 1919, là thời điểm mà nền giáo dục khoa cử Nho học ở nước ta chấm dứt. Trước đó hoạt động khuyến học của các dòng họ diễn ra thế nào hiện chưa rõ, do thiếu thông tin tư liệu. Dù vậy, với quãng thời gian nêu trên, ghi nhận đây là hoạt động khuyến học gắn liền với nền giáo dục khoa cử Nho học do Nhà nước quân chủ Việt Nam vận hành đương thời. Các hoạt động khuyến học không chỉ diễn ra tại các dòng họ lớn, có người đỗ đại khoa mà còn ở các dòng họ

nhỏ, chưa có thành đạt về khoa trường. Hoạt động khuyến học áp dụng với cả văn và võ - hai ngạch được Nhà nước quân chủ Việt Nam quy định trong nền giáo dục khoa cử trước đây. Hình thức khuyến học là bằng vật chất và tinh thần, trong đó khuyến học bằng vật chất được coi trọng hơn.

Nhìn tổng thể, hoạt động khuyến học của các dòng họ người Việt tiến hành đồng thời với hoạt động khuyến học của làng xã và có điểm chung cũng như điểm riêng. Điểm chung là cùng khuyến khích bằng vật chất và tinh thần để tạo ra động lực thúc đẩy người đi học vươn lên trong học tập, “đỗ đạt thành tài ra làm quan, giúp dân giúp nước”. Điểm riêng là quy mô của hoạt động khuyến học trong các dòng họ đều nhỏ, lấy động viên khích lệ bằng tinh thần là chính. Tuy vậy, hoạt động khuyến học của các dòng họ được xem là một bộ phận không tách rời trong bức tranh tổng thể về hoạt động khuyến học trên phạm vi cả nước, gồm khuyến học nhà nước, khuyến học làng xã và khuyến học của các dòng họ. Việc khuyến học ở ba bộ phận này hiện đang được kế thừa và phát triển, trong đó có sự đóng góp tích cực của hoạt động khuyến học tại các dòng họ ở nước ta.

Tài liệu tham khảo

1. *Bùi tộc bi ký* (1839), lưu tại VNCHN, ký hiệu No.39960.
2. Nguyễn Đức Dự (1992), *Gia phả khảo luận và thực hành*, Nxb Mũi Cà Mau, Cà Mau.
3. Bùi Xuân Đính, Nguyễn Viết Chức (Chủ biên) (2010), *Các làng khoa bảng Thăng Long - Hà Nội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Mai Văn Hai, Phan Đại Doãn (2000), *Quan hệ dòng họ ở châu thổ sông Hồng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. *Lê tộc bi ký* (1865), lưu tại VNCHN, ký hiệu No.39089.
6. Nguyễn Thế Long (1999), *Gia đình và gia tộc*, Nxb Lao động, Hà Nội.
7. *Lương Ngọc Phạm tộc phả ước* (1892), lưu tại VNCHN, A.1344.
8. Nguyễn Hữu Mùi (2010), *Truyền thống hiếu học và hệ thống văn miếu văn từ văn chỉ ở Vĩnh Phúc*, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Phúc, Vĩnh Phúc.
9. Nguyễn Hữu Mùi (2013), *Nghiên cứu văn bia Vĩnh Phúc*, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Phúc, Vĩnh Phúc.
10. Nguyễn Huy Mỹ (2012), *Các tác giả dòng văn Nguyễn Huy Trường Lưu - Cuộc đời và tác phẩm*, Nxb Lao động, Trung tâm Văn hóa Đông Tây, Hà Nội.
11. Nguyễn Thúy Nga (2003), *Võ cử và các võ tiến sĩ ở nước ta*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
12. *Nghĩa tộc cải tu đoan sự* (1851), lưu tại VNCHN, AFa7/9.
13. *Nghiêm tính gia kê*, soạn năm Cảnh Thống thứ nhất (1498), tục biên nhiều lần, lần cuối vào cuối niên hiệu Tự Đức (1848 -1883), lưu tại VNCHN, A.3061.
14. *Nguyễn Gia Trang khoa danh điền bi ký* (2012), Nguyễn Thanh Tùng dịch, in trong: *Các tác giả dòng văn Nguyễn Huy Trường Lưu - Cuộc đời và tác phẩm*, Nxb Lao động, Trung tâm Văn hóa Đông Tây, Hà Nội.
15. *Nguyễn tộc bi ký* (1881), lưu tại VNCHN, No. 52869.

16. Nguyễn Ngọc Nhuận (2004), “Cuốn gia phả họ Vũ ở Đường Xuyên huyện Phú Xuyên, Hà Tây”, trong: *Thông báo Hán Nôm học năm 2003*, VNCHN, Hà Nội.

17. *Phùng tộc gia phả*, soạn vào cuối thế kỷ XVIII, sao lại khoảng niên hiệu Thiệu Trị (1841 -1847).

18. Trương Đức Quả (1998), “Sinh hoạt dòng họ qua một cuốn gia phả”, trong: *Thông báo Hán Nôm năm 1997*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

19. Phạm Côn Sơn (1998), *Tinh thần gia tộc, gia sử và ngoại phả*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

20. *Thịnh Liệt Đông áp Bùi thị Giáp chi liệt tổ hành trạng*, lưu trữ tại VNCHN, ký hiệu A.942.

21. Ngô Đức Thọ (Chủ biên) (1993, 2006), *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075 - 1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội.

22. *Thượng thư Thiệu bảo Duệ Quận công Hồ Tương công từ đường bi ký* (1854), lưu tại VNCHN, ký hiệu No. 2818.

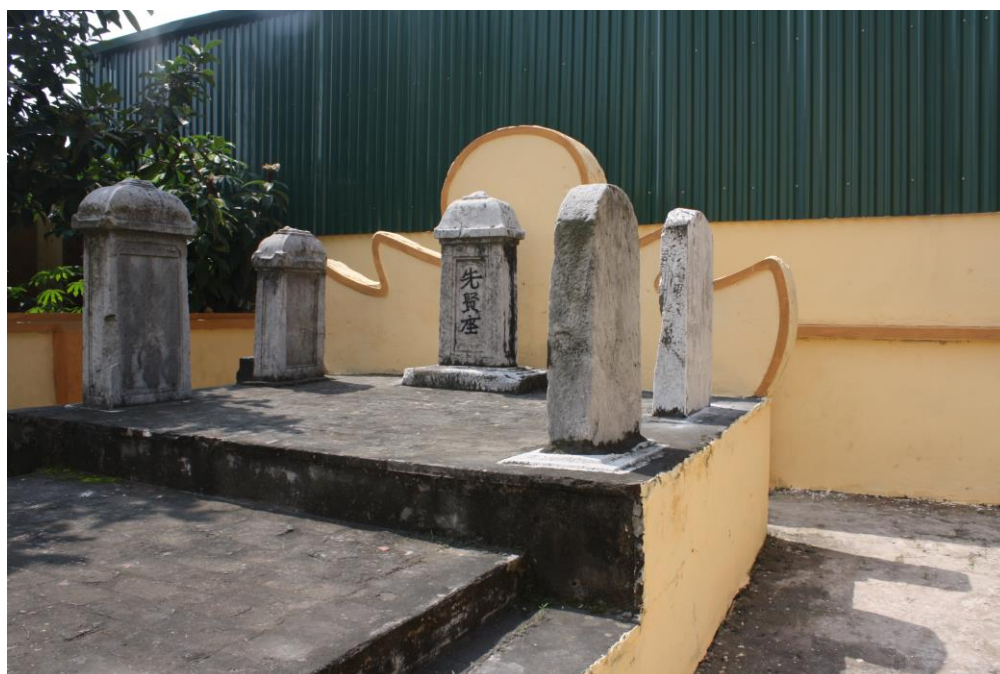
23. *Từ đường bi ký* (1777), lưu tại VNCHN, ký hiệu No. 2307.

24. *Tương Mai Nguyễn thị gia phả* (1824), lưu tại VNCHN, A.819.

25. *Trần thị từ đường ký* (1857), lưu tại VNCHN, ký hiệu No.49704.

26. *Trịnh gia thế phả* (1773), lưu tại VNCHN, A. 808.

27. *Vũ tộc từ đường bi ký* (1910), lưu tại VNCHN, ký hiệu No.39964.



Văn chỉ làng La Cả, phường Dương Nội, quận Hà Đông, Hà Nội

Ảnh: Bùi Xuân Đính